

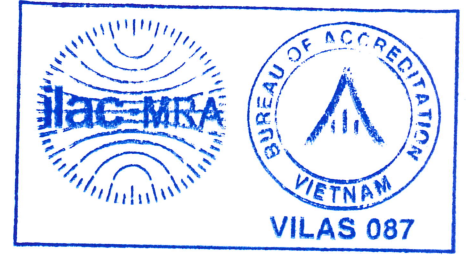


BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM THUỐC TRUNG ƯƠNG

48 Hai Bà Trưng - Hà Nội - Việt Nam
ĐT: 84.4.38252791 - Fax: 84.4.38256911

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ PHÂN TÍCH
Certificate of Analysis
CHUẨN PHÒNG THÍ NGHIỆM
Số: 02/2016



TAM THẮT

(*Radix Panaxis notoginseng*)

SKS: CV 01 16 025.01

Dược liệu là rễ củ đã phơi hay sấy khô của cây Tam thất [*Panax notoginseng* (Burk.) F. H. Chen], họ Nhân sâm (Araliaceae)

I. Mục đích sử dụng: Dược liệu chuẩn phòng thí nghiệm Tam thất SKS: CV 01 16 025.01 được sử dụng trong các phép thử soi bột, vi phẫu, định tính bằng phương pháp sắc ký lớp mỏng.

II. Mô tả: Rễ của hình trụ hay hình chùy, dài từ 2,0- 4,0 cm, đường kính 1,0- 2,0 cm. Mặt ngoài màu vàng xám nhạt, có khi được đánh bóng, trên mặt có những vết nhăn dọc rất nhỏ. Trên một đầu có những bướu nhỏ là vết tích của rễ con, phần dưới có khi phân nhánh. Trên đỉnh còn vết tích của thân cây. Chất cứng rắn, khó bẻ, khó cắt. Khi đập vỡ, phần gỗ và phần vỏ dễ tách rời nhau. Mặt cắt ngang có lớp vỏ màu xám nhạt, có những chấm nhỏ màu nâu (ông tiết), phần gỗ ở trong màu xám nhạt, mạch gỗ xếp hình tia tỏa tròn. Mùi thơm nhẹ đặc biệt, vị đắng hơi ngọt.

III. Kết quả phân tích: Tiến hành song song với ginsenosid Rb₁ (SKS: 110704-200420; Nguồn gốc: Trung Quốc), ginsenosid Re (SKS: 0754-200216; Nguồn gốc: Trung Quốc), notoginsenosid R₁ (SKS: 110745-200415; Nguồn gốc: Trung Quốc) và ginsenosid Rg₁ (SKS: 110703-200424; Nguồn gốc: Trung Quốc) và theo tiêu chuẩn số: TC/TQKT-ĐD/025.01

- | | |
|---------------------|---|
| 1. Bột | : Đạt |
| 2. Vi phẫu | : Đạt |
| 3. Định tính | |
| A. Phản ứng hóa học | : Đúng |
| B. Phản ứng hóa học | : Đúng |
| C. Sắc ký lớp mỏng | : Mẫu thử cho các vết có cùng giá trị R _f và màu sắc với các vết ginsenosid Rb ₁ , ginsenosid Re, notoginsenosid R ₁ và ginsenosid Rg ₁ trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu. |

4. Độ ẩm : 9,7%
5. Tro toàn phần : 3,1 %
6. Chất chiết được trong dược liệu : 16,2 % tính theo dược liệu khô kiệt
Phương pháp chiết nóng với methanol
7. Định lượng : 7,8% % tổng ginsenosid Rg₁ (C₄₂H₇₂O₁₄),
ginsenosid Rb₁ (C₅₄H₉₂O₂₃) và notoginsenosid
R₁ (C₄₇H₈₀O₁₈) tính theo dược liệu khô kiệt.
Phương pháp HPLC

IV. Hướng dẫn sử dụng: Không sấy trước khi dùng.

V. Bảo quản: Nhiệt độ 25⁰C ± 5⁰C, độ ẩm ≤ 75 %.

Kiểm tra định kỳ		
Đã kiểm tra (năm)	Kiểm tra lần sau (năm)	Phụ trách khoa (ký)
3/2016	3/2017	<i>Baz</i>
3/2017	3/2018	<i>Baz</i>
3/2018	3/2019	<i>Baz</i>
3/2019	3/2020	<i>Tùng</i>
2/2020	2/2021	<i>Baz</i>
2/2021	2/2022	<i>Tùng</i>
2/2022	2/2023	<i>Baz</i>
2/2023	2/2024	<i>Baz</i>
02/2024	02/2025	<i>Baz</i>
01/2025	01/2026	<i>Baz</i>

Hà Nội, ngày 5... tháng 4... năm 2016



Trần Việt Hùng